

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn (không
công nhận quan hệ vợ chồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 01 và 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn (không công nhận mối quan hệ vợ chồng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Công Kh, sinh năm: 19AA.

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm: 19EE.

Địa chỉ: Số B, ấp C, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do (bị đơn đã mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đỗ Công Kh yêu cầu giải quyết vụ kiện vắng mặt, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án có lời khai trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Kh, bà L chung sống vợ chồng năm 1995, trước khi sống chung có tìm hiểu khoảng 02 năm, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp và bà L có mối quan hệ với người khác, bỏ nhà đi từ đó đến nay không liên lạc được.

Nay ông Kh yêu cầu ly hôn (không công nhận mối quan hệ vợ chồng) bà Bùi Thị L.

- Về con chung: Ông Kh xác định có 01 con chung tên Đỗ Quốc V sinh ngày 26/02/19XX, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Ông Kh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Kh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông Kh không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn bà Bùi Thị L đã mất tích, không có văn bản trình bày ý kiến.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Năm 2015, ông Kh đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà L mất tích để ông Kh bổ sung tài liệu chứng cứ khởi kiện xin ly hôn bà L. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã đăng tin thông báo tìm kiếm bà L trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về bà L. Ngày 11/12/2015, Tòa án đã có Quyết định số 06/2015/QĐST-VDS về việc tuyên bố bà Bùi Thị L mất tích. Quyết định tuyên bố bà L mất tích có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 09/6/2023, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông Kh về việc yêu cầu ly hôn bà L. Quá trình thụ lý, hòa giải và thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bà L vẫn vắng mặt không lý do. Qua văn bản ý kiến của người làm chứng sinh sống cạnh nhà ông Kh trình bày không có tin tức về việc bà L ở đâu, làm gì.

Tòa án cũng đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định, nhưng bà L vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, các thủ tục tố tụng để mở phiên tòa xét xử vụ án đã được thực hiện đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] **Về nội dung vụ án:** Xét thấy ông Kh và bà L chung sống vợ chồng từ năm 1995, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. ..” .

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, lẽ ra ông Kh, bà L phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng ông Kh và bà L đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên quan hệ hôn nhân giữa ông Kh, bà L không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa ông Kh, bà L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, bà L có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và bỏ nhà đi từ tháng 10/2008. Từ đó cho đến nay, bà L không có liên lạc gì với gia đình. Ông Kh cũng đã dùng mọi cách để tìm kiếm bà L, nhưng vẫn không có tin tức gì. Nay ông Kh xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà L, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông Kh yêu cầu ly hôn bà L. Tuy nhiên, do ông Kh và bà L không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, nên không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Kh với bà L.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..”.

Và tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”

Xét thấy: Sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà L bỏ nhà ra đi từ năm 2008 đến nay, bà L không về thăm nhà, cũng không liên lạc về nhà hỏi thăm chồng, con. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Kh và bà L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, ông Kh yêu cầu ly hôn bà L là có căn cứ. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa ông Kh và bà L cũng không có giá trị về mặt pháp lý. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận ông Kh và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông Kh xác định có 01 con chung tên Đỗ Quốc V sinh ngày 26/02/19XX, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông Kh xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Kh chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông Kh là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn, nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí (về ly hôn) sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 14, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đỗ Công Kh và bà Bùi Thị L.

2. Về con chung: Ông Kh xác định có 01 con chung tên Đỗ Quốc V sinh ngày 26/02/19XX, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông Kh xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Đỗ Công Kh là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn, nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí (về ly hôn) sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Minh Thìn

